

Tổ chức dạy học môn Công nghệ lớp 6 tại trường Phổ thông thực hành chất lượng cao Nguyễn Tất Thành thuộc trường Cao đẳng Sư phạm Hoà Bình

Nguyễn Thị Mai Hương

ThS. Trường CĐSP Hòa Bình

Received: 12/3/2024; Accepted: 20/3/2024; Published: 25/3/2024

Abstract: Technology is a subject that covers areas such as home technology, use of technology, and technical activities related to technology. Technology devices are widely used today such as computers, televisions, phones, smart home appliances, etc. This article focuses on analyzing the characteristics of the subject Technology for grade 6, the advantages and disadvantages of teaching the 6th grade Technology subject according to the new curriculum at secondary schools, and on that basis, propose some corrective measures.

Keywords: Technology, subject, grade 6, measures

1. Đặt vấn đề

Chương trình Giáo dục phổ thông mới - Môn Công nghệ (CN) ban hành cùng Thông tư số 32/2018/TT-Bộ GD&ĐT đã xác định rõ tầm quan trọng cũng như vị thế môn học. CN là môn học bắt buộc trong giai đoạn giáo dục cơ bản, là môn học thiết thực giúp học sinh (HS) hình thành những kiến thức hữu ích trong cuộc sống. Trong quá trình giảng dạy môn CN 6 tại trường phổ thông thực hành chất lượng cao (PTTHCLC) Nguyễn Tất Thành, tác giả đã gặp nhiều khó khăn khi lần đầu tiếp cận với nội dung môn học. Bài viết này tập trung phân tích đặc điểm môn CN6, những thuận lợi và khó khăn khi dạy môn CN6 theo chương trình mới tại trường PTTHCLC Nguyễn Tất Thành trên cơ sở đó đề xuất một số biện pháp khắc phục.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Vài nét về môn Công nghệ lớp 6

2.1.1. Mục tiêu chương trình môn CN THCS

Mục tiêu chung: Chương trình môn CN rèn luyện và phát triển ở HS kỹ năng CN và các phẩm chất đặc thù trong lĩnh vực kỹ thuật và CN để học tập và làm việc hiệu quả trong môi trường CN ở nhà và ở trường, xã hội và lựa chọn nghề nghiệp trong lĩnh vực kỹ thuật và CN; đồng thời cùng với các môn học và hoạt động GD khác góp phần hình thành và phát triển các phẩm chất chủ yếu, KN chung; thực hiện các nội dung xuyên suốt như phát triển bền vững, biến đổi khí hậu, sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả, tài chính,...

Mục tiêu Chương trình CN THCS tiếp tục phát triển các KN công nghệ mà HS đã tích lũy ở cấp tiểu học. Hết THCS, HS có thể đọc thông số kỹ thuật, nhận biết và sử dụng đúng một số sản phẩm CN ở nhà; trao

đổi thông tin về sản phẩm, quy trình công nghệ bằng cách lập và đọc các bản vẽ kỹ thuật đơn giản; đánh giá, thiết kế các sản phẩm CN đơn giản; có hiểu biết về các nguyên tắc cơ bản, KN ban đầu trong lĩnh vực nông - lâm nghiệp, đánh bắt và công nghiệp; có kiến thức và kinh nghiệm chọn nghề trong lĩnh vực CN góp phần lựa chọn hướng đi phù hợp sau THCS; thúc đẩy hứng thú học tập; rèn luyện tính cẩn trọng, kiên trì trong hoạt động kỹ thuật và CN.

2.1.2. Vài nét về môn Công nghệ lớp 6

CN là môn học đào tạo về các lĩnh vực như CN gia đình, sử dụng CN và các hoạt động kỹ thuật liên quan đến CN. Các thiết bị CN được ứng dụng rộng rãi hiện nay như máy tính, tivi, điện thoại, đồ gia dụng thông minh, v.v.

CN bao gồm kiến thức, thiết bị, PP và hệ thống được sử dụng để tạo ra hàng hóa và cung cấp dịch vụ. Trong mối quan hệ giữa khoa học và CN, khoa học nhằm khám phá, hiểu và giải thích thế giới; còn CN, dựa trên thành tựu của khoa học, tạo ra các sản phẩm và dịch vụ CN nhằm giải quyết các vấn đề thực tiễn, cải tạo thế giới và định hình môi trường sống của con người.

Môn CN lớp 6 có cấu trúc như sau:

- Chủ đề Nhà ở: Nêu được vai trò và đặc điểm chung của nhà ở; một số kiến trúc nhà ở đặc trưng ở VN; Kể được tên một số vật liệu, mô tả các bước chính để xây dựng một ngôi nhà; Mô tả, nhận diện được những đặc điểm của ngôi nhà thông minh; Thực hiện được một số biện pháp sử dụng năng lượng trong gia đình tiết kiệm, hiệu quả.

- Chủ đề Bảo quản và chế biến thực phẩm: Nhận

biết được một số nhóm thực phẩm chính, dinh dưỡng từng loại, ý nghĩa đối với sức khoẻ con người; Nêu được vai trò và ý nghĩa của bảo quản và chế biến thực phẩm; Trình bày được một số PP bảo quản, chế biến thực phẩm phổ biến; Lựa chọn và chế biến được một món ăn đơn giản theo PP không sử dụng nhiệt; Hình thành thói quen ăn, uống khoa học; chế biến thực phẩm đảm bảo an toàn vệ sinh; Tính toán được dinh dưỡng, chi phí tài chính cho một bữa ăn gia đình.

- Chủ đề Trang phục và thời trang: Nhận biết được vai trò, sự đa dạng của trang phục trong cuộc sống, các loại vải thông dụng được dùng để may trang phục. Trình bày được những kiến thức cơ bản về thời trang, nhận ra xu hướng thời trang của bản thân; Lựa chọn được trang phục phù hợp với đặc điểm và sở thích của bản thân, tính chất công việc và điều kiện tài chính của gia đình; Sử dụng và bảo quản được một số loại trang phục thông dụng.

- Chủ đề Đồ dùng điện trong gia đình: Nhận biết và nêu được chức năng của các bộ phận chính, mô tả được nguyên lí làm việc và công dụng của đồ dùng loại điện nhiệt, điện quang, điện cơ (nồi cơm điện, bếp điện, đèn điện, quạt điện, máy điều hoà,...); Sử dụng được một số đồ dùng điện trong gia đình đúng cách, tiết kiệm và an toàn. Lựa chọn được đồ dùng điện tiết kiệm năng lượng, phù hợp với điều kiện gia đình.

2.2. Thực trạng hoạt động dạy và học môn CN lớp 6 tại trường PTHCLC Nguyễn Tất Thành thuộc trường CĐSP Hòa Bình

2.2.1. Thuận lợi

Môn CN6 trong chương trình giáo dục phổ thông (GDPT) 2018 có nhiều đổi mới, HS trong quá trình học hình thành và phát triển được năng lực CN; Nội dung môn CN theo chương trình GDPT 2018 được giảm tải đi, nội dung hấp dẫn hơn, thiết thực hơn chương trình cũ. Nội dung chương trình nâng cao vai trò của giáo dục STEM – mô hình GD hiện nay các nước đang hướng tới, nhằm đáp ứng cuộc Cách mạng Công nghiệp 4.0. Khi chuyển sang chương trình GDPT 2018 GV cũng được tham gia tập huấn thường xuyên, tài liệu, giáo án được cung cấp khá đầy đủ, tạo điều kiện thuận lợi giúp GV thực hiện tốt nhiệm vụ giảng dạy; Các khâu chuẩn bị kế hoạch năm học, kì học, chuẩn bị bài lên lớp tương đối thuận lợi. Trong quá trình giảng dạy trên lớp GV thực hiện được nhiều hoạt động dạy học, HS hứng thú tham qua quá trình học.

2.2.2. Khó khăn

Về mặt lí thuyết không có sự phân biệt giữa các môn học, nhưng thực tế cho thấy vai trò của môn

CN6 vẫn bị xem nhẹ; Vì coi môn CN6 là môn học phụ nên trong quá trình học trên lớp HS học tập còn thiếu tập trung, nói chuyện riêng, làm việc riêng, thậm chí HS còn không học mà i lại vào bạn khác hoặc GV giảng dạy.

Mặc dù nội dung chương trình mới nhằm phát huy giáo dục STEM trong HS, tuy nhiên do thời lượng môn học giảm còn 35 tiết/năm nên GV cũng ko đủ thời gian tổ chức tiết dạy liên môn cho HS; Nội dung kiến thức môn học còn được đánh giá khá nặng và dàn trải, thời lượng thực hành còn hạn chế, một số nội dung còn khó dạy cho các vùng miền khác nhau. Tài liệu môn CN chưa phong phú và chính thống để GV tự học tập nâng cao trình độ, đặc biệt là những tài liệu dưới dạng video; nhà trường chưa được trang bị đầy đủ các phương tiện, thiết bị dạy học tối thiểu theo yêu cầu.

2.3. Biện pháp nâng cao chất lượng dạy học môn CN lớp 6 tại Trường PTHCLC Nguyễn Tất Thành

2.3.1. Đổi mới PP dạy học môn CN 6

- Vận dụng linh hoạt các PP, kĩ thuật dạy học phát huy tính chủ động, sáng tạo, tích cực và phù hợp với sự hình thành và phát triển năng lực, phẩm chất của HS; coi trọng học tập dựa trên hành động, trải nghiệm; coi trọng thực hành, vận dụng kiến thức giải quyết các vấn đề thực tiễn nhằm nâng cao hứng thú học tập của HS.

- Khai thác có hiệu quả hệ thống các thiết bị dạy học tối thiểu theo nguyên lí thiết bị, phương tiện dạy học là nguồn tri thức về đối tượng CN. Coi trọng các nguồn tư liệu ngoài SGK; khai thác lợi thế của CNTT và truyền thông trong dạy học trên các phương diện lưu trữ tri thức, đa phương tiện, mô phỏng, kết nối, môi trường học tập.

- Vận dụng sáng tạo quan điểm GD tích hợp Khoa học, Công nghệ, Kĩ thuật và Toán học (STEM) góp phần hình thành, phát triển năng lực, phẩm chất gắn với GD hướng nghiệp cho HS.

2.3.2. Đổi mới PP hình thành, phát triển các phẩm chất chủ yếu và năng lực CN cho HS

- Phát triển các phẩm chất chủ yếu, đặc biệt là tính chăm chỉ, đức trung thực, tinh thần trách nhiệm thông qua những nội dung GD liên quan tới môi trường CN con người đang sống và những tác động của nó; thông qua các hoạt động thực hành, lao động, trải nghiệm nghề nghiệp; mối quan hệ chặt chẽ giữa môi trường GD ở nhà trường với gia đình và xã hội.

- Phát triển các năng lực chung - Năng lực tự chủ và tự học cho HS thông qua các hoạt động thực hành, làm dự án, thiết kế và chế tạo các sản phẩm CN, sử dụng và đánh giá các sản phẩm CN, bảo đảm an toàn

trong thế giới CN ở gia đình, cộng đồng và trong học tập, lao động. Để hình thành, phát triển năng lực tự học, GV coi trọng việc phát huy tính tích cực, tự lực, chủ động của HS, đồng thời quan tâm tới nguồn học liệu hỗ trợ tự học (đặc biệt là học liệu số), PP, tiến trình tự học và đánh giá kết quả học tập của HS.

- Phát triển năng lực giao tiếp và hợp tác Năng lực giao tiếp và hợp tác thông qua dạy học hợp tác trong nhóm nhỏ, khuyến khích người học trao đổi, trình bày, chia sẻ ý tưởng...khi thực hiện các dự án học tập và sử dụng, đánh giá các sản phẩm CN được đề cập trong chương trình.

- Phát triển năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo cho HS thông qua các hoạt động tìm tòi, sáng tạo sản phẩm mới; giải quyết các vấn đề về kỹ thuật, công nghệ trong thực tiễn.

- Hình thành, phát triển năng lực CN thông qua các hoạt động dạy và học. Mỗi hoạt động dạy học cụ thể GV cần xác định rõ mục tiêu phát triển năng lực trên cơ sở phân tích đặc điểm nội dung dạy học và tham chiếu khung năng lực chung, năng lực CN.

2.3.3. Đổi mới PP đánh giá kết quả GD

Mục đích đánh giá là cung cấp thông tin chính xác, kịp thời, có giá trị về mức độ đáp ứng yêu cầu cần đạt về phẩm chất, năng lực và những tiến bộ của học viên trong suốt quá trình học tập môn học, qua đó điều chỉnh hoạt động dạy và học

Căn cứ đánh giá, các tiêu chí đánh giá và hình thức đánh giá bảo đảm phù hợp với mục tiêu, yêu cầu cần đạt về phẩm chất chủ yếu, năng lực chung và năng lực công nghệ. Coi trọng đánh giá hoạt động thực hành; vận dụng kiến thức, kỹ năng làm ra sản phẩm của HS; vận dụng kiến thức vào thực tiễn.

Sử dụng đa dạng các PP, hình thức đánh giá khác nhau bảo đảm đánh giá toàn diện HS; chú trọng đánh giá bằng quan sát trong đánh giá theo tiến trình và đánh giá theo sản phẩm. Với mỗi nhiệm vụ học tập, tiêu chí đánh giá được thiết kế đầy đủ, dựa trên yêu cầu cần đạt và được công bố ngay từ đầu để định hướng cho HS trong quá trình thực hiện nhiệm vụ học tập; công cụ đánh giá phải phản ánh được yêu cầu cần đạt nêu trong mỗi chủ đề, mạch nội dung.

Một trong những xu hướng thường được sử dụng trong đánh giá năng lực hiện nay là đánh giá kết quả người học vận dụng các kiến thức, KN đã học vào giải quyết các vấn đề, nhiệm vụ, tình huống thực tiễn trong cuộc sống như thế nào. Do đó, trong câu hỏi kiểm tra đánh giá nên đưa ra một tình huống cụ thể, gắn với thực tiễn và yêu cầu người học giải quyết chúng.

Một điểm cần đặc biệt lưu ý là năng lực được hình thành, phát triển trong hoạt động và với quan điểm

đánh giá nhằm giúp người học tiến bộ nên đánh giá năng lực rất coi trọng hình thức đánh giá quá trình. Thông qua đó, vừa đánh giá được mức độ mà HS hoàn thành vừa có tác dụng giúp HS tự đánh giá, rút kinh nghiệm để có những điều chỉnh nhằm nâng cao chất lượng hoạt động tiếp theo.

2.3.4. Tăng cường tập huấn, bồi dưỡng GV dạy môn CN lớp 6

- Về công tác bồi dưỡng, tập huấn GV: Chất lượng GV là yếu tố quyết định chất lượng dạy học nên cần thiết phải đào tạo bồi dưỡng đội ngũ GV đúng chuyên môn CN, để có thể phát triển, tổ chức thực hiện chương trình môn CN mới theo đúng vai trò, tầm quan trọng của môn học này.

- Về nâng cao vai trò của môn CN: Thay đổi cách nhìn của xã hội, các nhà quản lý, GV và HS về vai trò của môn CN. Muốn vậy, môn CN phải là môn học được đánh giá, khuyến khích GV, HS thực hiện dự án CN thông qua tăng cường tổ chức các hội thi liên quan đến sản phẩm CN. Đẩy mạnh GD STEM trong các trường THCS đáp ứng yêu cầu môn CN trong chương trình mới.

- Về tăng cường CSVC, trang thiết bị dạy học: Nhà trường tăng cường đầu tư cơ sở vật chất phục vụ cho việc dạy học nói chung và dạy học môn CN nói riêng. Mỗi nhà trường phải có ít nhất 01 phòng học cho môn CN có đủ các phương tiện, thiết bị và máy móc đáp ứng chương trình môn CN nói chung mà môn CN6 nói riêng trong chương trình GDPTM.

3. Kết luận

Sự đa dạng về các lĩnh vực kỹ thuật, CN trong nội dung môn CN 6 mang lại lợi thế cho môn học trong việc tích hợp nội dung GD, các hoạt động trải nghiệm công việc thông qua các chủ đề. Trong quá trình giảng dạy môn CN 6 GV cần áp dụng các PP dạy học, PP đánh giá phù hợp để phát huy tối đa năng lực CN của HS. Việc phát triển đội ngũ GV môn CN, tăng cường CSVC, thiết bị dạy học đáp ứng yêu cầu cho chương trình GDPT 2018 cũng cần thiết quyết định đến hiệu quả của việc dạy học môn CN theo chương trình GDPT mới.

Tài liệu tham khảo

1. Bộ Giáo dục & Đào tạo, *Chương trình giáo dục môn Công nghệ, Chương trình Giáo dục phổ thông 2018*. Hà Nội
2. Sách giáo khoa, Công nghệ 6, NXBGD. Hà Nội
3. Sách giáo viên, Công nghệ 6, NXBGD. Hà Nội
4. Dạy học phát triển năng lực Công nghệ THCS, NXB ĐHSP Hà Nội
5. Bộ Giáo dục & Đào tạo (2018) *Hướng dẫn dạy môn Công nghệ THCS theo chương trình Giáo dục phổ thông 2018*, NXB ĐHSP Hà Nội